TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 94/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 14 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 155/2026/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2026, về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hô*n", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Liu Hồng K (Liu Hongkun), sinh ngày 10/5/1996; Dân tộc: Hán; Quốc tịch: Trung Quốc;

Địa chỉ: Số I, thôn G, thị trấn D, huyện T, thành phố C, tỉnh Vân Nam, Cộng hòa Nhân dân T.

- Chị Lù Thị H, sinh ngày 26/11/1993.

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 06 tháng 4 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Liu Hồng K (L) và chị Lù Thị H trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Liu Hồng K (Liu Hongkun) và chị Lù Thị H tự nguyện tìm hiểu về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2023 tại UBND huyện T, tỉnh Lai Châu.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không có tiếng nói chung. Vì vậy chị H và anh Liu Hồng K (L) đều tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Anh Liu Hồng K (L) và chị Lù Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung anh Liu Hồng K (L) và chị Lù Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Anh Liu Hồng K (L), chị H thỏa thuận: Chị Lù Thị H sẽ là người nộp toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

[2] Xét thấy các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Liu Hồng K (L) và chị Lù Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Liu Hồng K (L) và chị Lù Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Liu Hồng K (Liu H1) và chị Lù Thị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Liu Hồng K (L), chị H thỏa thuận: Chị Lù Thị H sẽ là người nộp toàn bộ số tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự tổng là 300.000 đồng. Xác nhận chị Lù Thị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền lệ phí số 0000172 ngày 06/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Lai Châu. Nay số tiền đã nộp được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1- Lai Châu;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND phường Tân Phong;
- UBND xã Bình Lư;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết